

Số: /KH-UBND

Sơn Kim 1, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn xã Sơn Kim 1

Thực hiện kế hoạch số 551/KH-UBND ngày 10/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo bền vững năm 2026 (chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) theo Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 10/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng: “Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm từ 1,5%/năm trở lên”.

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030 làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2027 và giai đoạn 2027-2030; là căn cứ để đánh giá tiêu chí nghèo đa chiều đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2027-2030; phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (<https://csdlhn.mae.gov.vn>).

2. Yêu cầu

- Việc rà soát phải được thực hiện đúng đối tượng, tiêu chí, phương pháp, quy trình và thời gian quy định; bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng, khách quan, chính xác, không bỏ sót đối tượng và không xác định sai đối tượng.

- Công tác rà soát được thực hiện từ thôn, có sự tham gia của cộng đồng dân cư và sự phối hợp, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã (gọi tắt là cấp xã) có trách nhiệm quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo quy định; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của kết quả rà soát thuộc địa bàn quản lý.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN RÀ SOÁT

1. Phạm vi rà soát: trên địa bàn xã Sơn Kim 1, tại 6 thôn.

2. Thời gian rà soát

- Thời gian rà soát định kỳ hằng năm: từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện rà soát.
- Thời gian rà soát trong năm: từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

1.1. Đối tượng rà soát: hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

1.2. Phương pháp rà soát: thực hiện theo khoản 1 Điều 2 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ¹.

1.3. Quy trình rà soát: thực hiện theo Điều 4 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030

2.1. Đối tượng rà soát

a) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.
- Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

2.2. Phương pháp rà soát²

- Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 là phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình (sau đây gọi là điểm Đ) để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (sau đây gọi là số thiếu hụt TH) của hộ gia đình.

- Điểm Đ được xác định từ Phiếu B1 tại Mẫu số 2.2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; được quy đổi sang mức thu nhập bình quân đầu người như sau: 190 điểm khu vực nông thôn tương đương 2.200.000 đồng/người/tháng.

¹ Quyết định 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

² Thực hiện theo Điều 4, Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Số thiếu hụt TH là tổng chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình, được xác định từ Phiếu B2 tại Mẫu số 2.3 và Mục III Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo như sau:

+ Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên.

+ Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số.

+ Hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã.

2.3. Quy trình rà soát

a) Quy trình rà soát định kỳ hằng năm³:

Bước 1: Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, bao gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

+ Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

³ Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo.

- Lập Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT đối với hộ gia đình đủ điều kiện sau phân loại.

Bước 3: Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo danh sách lập theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Thành phần cuộc họp: Trưởng thôn (chủ trì); đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, một số hộ gia đình cư trú trên địa bàn cấp xã.

- Nội dung cuộc họp: lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo.

Trường hợp có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo việc niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại Bước 4.

Trường hợp có dưới 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo rà soát lại.

- Kết quả cuộc họp gồm: Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 01 biên bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 biên bản Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố lưu.

Bước 4: Niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết, thông báo công khai danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, tổ dân phố, Cổng thông tin điện tử cấp xã và qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

- Trong thời hạn niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có ý kiến không đồng ý với danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo xử lý và công khai kết quả tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại thôn, tổ dân phố.

- Hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai, phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo tổng hợp danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả rà soát.

Bước 5: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT bảo đảm quy định về thời gian rà soát; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT trước ngày 31/12/2026. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Quyết định công nhận kèm theo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại thôn, tổ dân phố.

b) Quy trình rà soát trong năm: thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

3. Chế độ báo cáo và biểu mẫu tổng hợp⁴

3.1. Chế độ báo cáo kết quả rà soát trong năm

- Trường hợp có hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo phát sinh khi rà soát trong năm: trước ngày 05 hằng tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả rà soát. Trước ngày 10 hằng tháng, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Trường hợp đột xuất theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT thì báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlln.mae.gov.vn>.

3.2. Chế độ báo cáo kết quả rà soát định kỳ hằng năm

⁴ Thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

a) Đối với các đồng chí chỉ đạo và ban công tác Mặt trận, ban phát triển các thôn.

- Tổ chức rà soát, tổng hợp và báo cáo kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. **Hoàn thành trước ngày 30/9/2025.**

- Hoàn thành hệ thống biểu mẫu, danh sách kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của các thôn gửi về UBND xã **trước ngày 05/10/2025.**

b) Cấp xã

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, tổng hợp kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước 30/10/2026.**

- Tổng hợp báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030, gồm: kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và đánh giá kết quả giảm nghèo so với kết quả cùng kỳ năm trước gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước 10/11/2026.** Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

3.3. Mẫu, biểu tổng hợp

- Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm và rà soát trong năm theo Mẫu số 3.1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo các Mẫu số từ 3.1 đến 3.10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Những nội dung khác (nếu có) thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Kinh phí thực hiện⁵

4.1. Rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025:

- Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 đã được chuyển nguồn sang năm 2025) của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo quy định điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 để thực hiện năm 2026.

⁵ Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 8713/BNNMT-VPĐP ngày 04/8/2026

- **Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính** (theo quy định liên quan từ công tác tổ chức, tập huấn đến chi thực hiện rà soát tại các Điều 78, Điều 79 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025).

4.2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030

a) **Kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo ở địa phương thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương** theo quy định khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 (quy định: “*Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo*”), quy định Điều 8 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT (quy định: “*Kinh phí thực hiện rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Thông tư này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước*”).

Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính⁶.

b) **Các nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của Chương trình** theo quy định khoản 2 Điều 39 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Tham mưu Ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn quản lý.

- Hướng dẫn các thôn tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; tổ chức họp các thành phần tham gia rà soát ở thôn về quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn cho các thôn.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các thôn thực hiện công tác rà soát ở thôn. Tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả sơ bộ/chính thức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn theo quy định.

⁶ Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

- Tham mưu ban hành Quyết định công nhận danh sách cụ thể chủ hộ, thành viên của hộ nghèo, hộ phát sinh nghèo, hộ cận nghèo, hộ phát sinh cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo. Thực hiện niêm yết công khai danh sách tại Trụ sở xã, thôn và cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

- Chủ trì công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung, phương pháp và quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026; tuyên truyền, vận động Nhân dân phối hợp cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực phục vụ rà soát.

- Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở và các hình thức phù hợp; phối hợp thông tin, tuyên truyền kết quả rà soát sau khi được Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận.

3. Các thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo

- Các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn xã (theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 24/09/2025)

- Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức rà soát tại các thôn; bảo đảm thực hiện đúng đối tượng, tiêu chí, phương pháp, quy trình và thời gian quy định.

- Tham gia kiểm tra, xác minh, rà soát lại kết quả khi được phân công; kịp thời phản ánh, đề xuất xử lý những khó khăn, vướng mắc, trường hợp kết quả rà soát chưa phù hợp với thực tế.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

4. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Phối hợp với Phòng Kinh tế trong tổ chức thực hiện Kế hoạch; cung cấp, đối chiếu thông tin thuộc lĩnh vực phụ trách phục vụ công tác rà soát khi có yêu cầu.

- Phối hợp hướng dẫn, thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Phối hợp với Phòng Kinh tế tham mưu UBND xã bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và khả năng cân đối ngân sách của xã.

- Phối hợp quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác rà soát theo đúng quy định.

6. Trưởng các thôn trên địa bàn

- Tổ chức triển khai Kế hoạch của UBND xã; lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát theo hướng dẫn của Phòng Kinh tế; phân công, bố trí lực lượng rà soát viên tại thôn và tổ chức thực hiện rà soát theo quy định.

- Chủ trì tổ chức họp dân lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo Danh sách dự kiến; bảo đảm đúng thành phần, nội dung và trình tự quy định; lập biên bản theo Mẫu số 03 và gửi 01 biên bản về UBND xã theo quy định.

- Phối hợp thực hiện việc niêm yết, thông báo công khai Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại Nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và địa điểm phù hợp theo chỉ đạo của UBND xã.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, tiếp nhận, tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân; kịp thời báo cáo UBND xã và phối hợp xử lý, xác minh, rà soát lại khi có yêu cầu.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã:

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân; vận động Nhân dân cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực phục vụ công tác rà soát.

- Tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện, trong đó có việc rà soát, họp dân, niêm yết, thông báo công khai kết quả; kịp thời phản ánh với UBND xã những trường hợp thực hiện chưa đúng quy định hoặc kết quả rà soát chưa phù hợp với thực tế.

- Phối hợp tham gia xử lý các ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân liên quan đến công tác rà soát theo chức năng, nhiệm vụ.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân xã (*phòng Kinh tế*) để xem xét, hướng dẫn, giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các thành viên BCD;
- Phòng Kinh tế, Văn hóa -Xã hội;
- Thôn Trưởng các thôn;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Quốc Hoàng